

Số: /KH-UBND

Phong Thổ, ngày tháng 5 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 4765/QĐ-BNN-TT, ngày 09/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030; Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 22/01/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thực hiện Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030, Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 4765/QĐ-BNN-TT, ngày 09/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030; Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 22/01/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thực hiện Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030; đồng thời cụ thể hóa các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tiễn của huyện; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn để tổ chức thực hiện.

2. Yêu cầu

- Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ phải gắn với việc thực hiện các đề án, nghị quyết, chương trình, kế hoạch của trung ương, của tỉnh, của huyện và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đồng thời bám sát yêu cầu của thị trường để định hướng phát triển sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ góp phần bảo vệ sức khỏe và quyền lợi của nhân dân; nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm rau của huyện.

- Huy động các nguồn lực, ứng dụng khoa học công nghệ của các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu chung

Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ, phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong huyện, trong tỉnh và hướng tới xuất khẩu, phát triển bền vững ngành hàng rau; góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao sức khỏe cộng đồng.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tổng diện tích rau toàn huyện trên 960 ha, sản lượng khoảng 7.517 tấn.
- Trên 95% số mẫu rau được thanh tra, kiểm tra đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Đến năm 2030 diện tích rau an toàn, tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc đạt 10 ha, chiếm khoảng 1% tổng diện tích gieo trồng rau cả huyện.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Tổ chức tuyên truyền, quán triệt sâu rộng nội dung Quyết định số 4765/QĐ-BNN-TT ngày 09/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 và Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 22/01/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thực hiện Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030; các Nghị quyết về phát triển hàng hóa tập trung của tỉnh đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức viên chức lao động và nhân dân góp phần nâng cao nhận thức, hành động.

2. Tập huấn, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và truy xuất nguồn gốc

- Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho người dân và doanh nghiệp áp dụng vào sản xuất các tiêu chuẩn quy chuẩn an toàn theo yêu cầu của thị trường (VietGAP, GlobalGAP, nông nghiệp hữu cơ, tiêu chuẩn xuất khẩu...); kỹ thuật sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn, hiệu quả theo nguyên tắc “4 đúng”; sử dụng phân bón tiết kiệm, cân đối; khuyến khích sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón có nguồn gốc hữu cơ, sinh học, thảo mộc đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Ứng dụng kỹ thuật, khoa học công nghệ tiên tiến, mới vào sản xuất rau như: Công nghệ trồng cây trong nhà kính; công nghệ trồng cây trong dung dịch (thủy canh) và trên giá thể; công nghệ tưới nhỏ giọt...; ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc.

- Xây dựng các mô hình sản xuất rau sử dụng phân bón hữu cơ, vi sinh và thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thảo mộc; các mô hình sản xuất, thâm canh gắn với cấp mã số vùng trồng, đáp ứng tiêu chuẩn, chất lượng, truy xuất nguồn gốc để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm ở thị trường trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu.

3. Tổ chức phát triển sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm

- Tổ chức rà soát, xây dựng vùng sản xuất tập trung cho từng loại rau gắn với việc xây dựng hệ thống thu mua, bảo quản, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm:

+ Đến năm 2030 phát triển vùng sản xuất rau trên 960 ha gồm: Cải các loại trên 400 ha; bầu, bí, dưa các loại 200 ha; rau họ đậu khoảng 100 ha; nhóm rau khác (rau muống, khoai tây, rau gia vị, rau bản địa, ớt...) trên 260 ha.

+ Diện tích sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc 10ha tại các xã: Mường So 03 ha, Khổng Lào 02 ha, Nậm Xe 02 ha và thị trấn Phong Thổ 03 ha.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; chuyển đổi diện tích cây trồng kém hiệu quả, diện tích lúa 1 vụ thiếu nước tưới tiêu để đầu tư phát triển sản xuất rau an toàn, tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1054/QĐ-UBND, ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Đề án “hỗ trợ xây dựng mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị tại các huyện, thành phố giai đoạn 2022-2025.

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp định hướng quy mô vùng trồng rau, ưu tiên tại các vùng tập trung; thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết sản xuất rau từ xây dựng vùng trồng đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Thực hiện đồng bộ giải pháp hỗ trợ phát triển Hợp tác xã cả về chiều rộng và chiều sâu, đặc biệt chú trọng hỗ trợ thành lập mới và nâng cao năng lực cho các thành viên Hợp tác xã sản xuất rau an toàn để xây dựng mối liên kết bền vững giữa doanh nghiệp với hộ sản xuất rau.

- Đối với hộ gia đình sản xuất rau, cần liên kết với doanh nghiệp thông qua Hợp tác xã và Tổ hợp tác để sản xuất rau tại các vùng tập trung, gắn với tiêu thụ sản phẩm.

4. Phát triển thị trường tiêu thụ

- Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp, Hợp tác xã và hộ gia đình xây dựng chỉ dẫn địa lý và thương hiệu sản phẩm gắn với mã số vùng trồng, mang tính đặc hữu của địa phương.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ. kết nối đưa nông sản địa phương vào các chuỗi phân phối bán buôn, bán lẻ (siêu thị, cửa hàng tiện ích, khu công nghiệp...).

5. Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

- Nâng cao vai trò và hiệu quả quản lý nhà nước nhất là kiểm soát nguồn vật tư đầu vào (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật), đảm bảo không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh rau trên địa bàn theo phân công, phân cấp; xử lý kịp thời các hành vi gian lận thương mại trong sản xuất, kinh doanh; không để tình trạng sản phẩm rau kém chất lượng, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm lưu thông trên thị trường, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND các xã, thị trấn

- Rà soát xác định quỹ đất, xây dựng kế hoạch phát triển rau màu của địa phương gắn với Đề án sản xuất hàng hóa tập trung; phát triển phải đảm bảo phát huy lợi thế, theo hướng tập trung, ổn định, bền vững gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động nông dân áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trong sản xuất (VietGap, hữu cơ, tiêu chuẩn xuất khẩu...), ứng dụng quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPM) trong vùng sản xuất tập trung, nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm;

- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào các nhà máy chế biến, kho sơ chế và kho bảo quản trên địa bàn gắn với các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với định hướng phát triển chung của huyện.

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch thực hiện Đề án của UBND huyện. Đánh giá,

đề xuất những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện, tổng hợp báo cáo UBND huyện và sở Nông nghiệp và PTNT theo quy định.

- Phối hợp với UBND các xã, thị trấn tuyên truyền tập huấn, hướng dẫn nông dân áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn (*VietGap, hữu cơ, tiêu chuẩn xuất khẩu, ...*), ứng dụng quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPM) trong vùng sản xuất cây rau màu tập trung, nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, truy xuất được nguồn gốc.

- Cập nhật kịp thời quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong sản xuất rau; đẩy mạnh cấp mã số vùng trồng rau áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đảm bảo chất lượng vật tư đầu vào phục vụ sản xuất như: Giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật... trên địa bàn; tham mưu UBND huyện xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

3. Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện

- Xây dựng các mô hình sản xuất rau sử dụng phân bón hữu cơ, vi sinh và thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thảo mộc; các mô hình sản xuất, thâm canh gắn với cấp mã số vùng trồng, đáp ứng tiêu chuẩn, chất lượng, truy xuất nguồn gốc để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm ở thị trường nội địa và xuất khẩu.

- Lồng ghép các chính sách hỗ trợ của tỉnh (Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND, ngày 22 tháng 3 năm 2021 của HĐND tỉnh về Quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 về Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh...) để hỗ trợ phát triển rau màu đảm bảo hiệu quả.

4. Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, báo cáo UBND huyện cân đối các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước trong năm cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện và lồng ghép với các chương trình, dự án, kế hoạch khác có liên quan trên địa bàn tỉnh để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch này đảm bảo theo đúng quy định.

5. Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện

- Tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn và kết nối cho các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh rau trên địa bàn huyện tham gia các hội chợ, triển lãm và hội nghị kết nối cung - cầu tổ chức ở trong nước và nước ngoài để giới thiệu sản phẩm và tìm kiếm đối tác hợp tác trong phát triển sản xuất, tiêu thụ hàng hóa.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX sản xuất, tiêu thụ, chế biến rau xây dựng nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc, chuyên giao ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, thân thiện môi trường từ nguồn sự nghiệp khoa học cho các doanh nghiệp, HTX sản xuất, tiêu thụ, chế biến rau trên địa bàn.

6. Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 trên địa bàn huyện đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy, HĐND huyện (b/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Lãnh đạo UBND huyện: U1, U3;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, V2, C3, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Đoàn

Phụ lục: Định hướng phát triển sản xuất rau của tỉnh đến năm 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ)

TT	Các xã, thị trấn	Đến năm 2030			Ghi chú
		Tổng diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích an toàn, tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc (ha)	
	Tổng cộng	960,0	7.517,0	10,0	
1	Thị Trấn	30,0	200,0	3,0	Cải các loại; bầu, bí, dưa các loại; rau họ đậu; nhóm rau khác (rau muống, khoai tây, rau gia vị, rau bản địa, ớt...)
2	Mường So	56,0	480,0	3,0	
3	Không Lào	76,0	450,0	2,0	
4	Hoang Thèn	74,0	490,0		
5	Nậm Xe	90,0	650,0	2,0	
6	Lản Nhì Thàng	50,0	370,0		
7	Sin Súi hồ	70,0	495,0		
8	Ma Li Pho	6,0	60,0		
9	Huổi Luông	80,0	750,0		
10	Bản Lang	116,0	770,0		
11	Mù Sang	50,0	420,0		
12	Dào San	120,0	1.112,0		
13	Tung Qua Lìn	40,0	340,0		
14	Pa Vây Sừ	20,0	180,0		
15	Mồ Si San	12,0	100,0		
16	Vàng Ma Chải	24,0	220,0		
17	Sì Lở Lầu	46,0	430,0		